

R

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
\*\*\*\*\*

0,5 đ

KC - 11

**HỘI THI SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG KHOA  
HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI  
NĂM 2017**

**BÀI DỰ THI**

**Đưa khoa học công nghệ về cấp huyện: Góp phần thay  
đổi diện mạo nông thôn**

Họ và tên tác giả: Đoàn Lâm Thanh Tâm  
Đơn vị công tác: Phòng Quản lý H&CN cơ sở-  
Sở KH&CN Đồng Nai

Đồng Nai, tháng 12/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự Do-Hạnh Phúc**

---

**PHIẾU ĐĂNG KÝ**  
**THAM DỰ HỘI THI SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG**  
**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2017**

---

**I. GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ/NHÓM TÁC GIẢ**

1. Họ tên tác giả: Đoàn Lâm Thanh Tâm
2. Sinh ngày: 28/02/1986
3. Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
4. Địa chỉ: 32 - Lý Thường Kiệt - Long Khánh - Đồng Nai
5. Điện thoại: 0919.176.711
6. Email: [alicehcm@yahoo.com.vn](mailto:alicehcm@yahoo.com.vn)
7. Cơ quan công tác: Phòng Quản lý Khoa học & Công nghệ cơ sở

**II. GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM**

1. Tên sản phẩm: Đưa khoa học công nghệ về cấp huyện: Góp phần thay đổi diện mạo nông thôn
2. Thể loại: Báo viết
3. Tóm tắt nội dung: Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2001-2005 về việc thực hiện Nghị quyết TW2 (khoá VIII) về Giáo dục - Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng nhờ có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ các nhà khoa học, sự cố gắng của các doanh nghiệp và nhân dân, hoạt động Khoa học và Công nghệ (KH&CN) nước ta nói chung và KH&CN tỉnh Đồng Nai nói riêng đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đặc biệt đã vực dậy được hoạt động KH&CN cấp huyện vốn đã “ngủ quên” trong thời gian qua.
4. Thời gian, thời điểm phát hành sản phẩm dự thi: 06/12/2017

*Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2017*

**Người tham gia**



**Đoàn Lâm Thanh Tâm**

## **Đưa khoa học công nghệ về cấp huyện: Góp phần thay đổi diện mạo nông thôn**

Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2001-2005 về việc thực hiện Nghị quyết TW2 (khoá VIII) và Nghị quyết 13-NQ/TU của Tỉnh uỷ Đồng Nai về Giáo dục - Đào tạo, Khoa học và Công nghệ; quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (nhiệm kỳ 2005-2010), Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (nhiệm kỳ 2010-2015), Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (nhiệm kỳ 2015-2020), Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế... Dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng nhờ có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ các nhà khoa học, sự cố gắng của các doanh nghiệp và nhân dân, hoạt động Khoa học và Công nghệ (KH&CN) nước ta nói chung và KH&CN tỉnh Đồng Nai nói riêng đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Thực tế cho thấy trong những năm qua hoạt động KH&CN của tỉnh đã có bước phát triển mạnh, đổi mới có kết quả công tác quản lý, ban hành hàng loạt các chính sách hỗ trợ, góp phần thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt đã ban hành và vận dụng được chính sách đưa cán bộ công chức (CBCC) về hỗ trợ huyện và chính sách tài chính đối ứng 50/50 giữa tỉnh và huyện trong việc nghiên cứu khoa học (NCKH) nhằm vực dậy hoạt động KH&CN cấp huyện vốn đã “ngủ quên” trong thời gian qua.

### ***Đưa CBCC về hỗ trợ huyện: hình thành mạng lưới cán bộ khoa học công nghệ trong tỉnh***

Hoạt động KH&CN cấp huyện đã và đang được thực hiện theo tinh thần Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp huyện, nay được thay thế bằng Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 18/6/2008 về việc hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, nay được thay thế bằng Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 15/10/2014.

Trước những năm 2006, khi tỉnh Đồng Nai chưa có các chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động KH&CN tại các địa phương thì hoạt động KH&CN cấp huyện còn rất mờ nhạt. Cụ thể là nhiệm vụ quản lý KH&CN thiếu nhất quán trong việc phân công cơ quan chuyên môn ở cơ sở thực hiện, chưa có một mô hình tổ chức quản lý thống nhất. Bên cạnh đó đa số cán bộ quản lý KH&CN ở huyện đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chưa có đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ thường xuyên thay đổi, không ổn định trong khi môi trường hoạt động quản lý KH&CN cấp huyện là rất rộng, liên quan đến nhiều ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau. Điều này đã gây ít nhiều khó khăn đến hoạt động quản lý KH&CN ở cơ sở. Nên hoạt động KH&CN cấp huyện trong giai đoạn này nhìn chung còn nhiều yếu kém, chưa phát huy được hiệu quả.



**Hình: Tập thể phòng Quản lý KH&CN cơ sở**

Sau khi có Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKH&CN-BNV ngày 18/6/2008, Sở KH&CN Đồng Nai đã vận dụng xây dựng mô hình quản lý mới, cụ thể là thành lập phòng Quản lý KH&CN cơ sở, có nhiệm vụ tham mưu cho Sở và hỗ trợ huyện quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện. Một bước đột phá mà Sở KH&CN làm được trong giai đoạn này đó chính là đưa 11 CBCC xuống làm việc lâu dài tại phòng Kinh tế/phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, đã giải quyết kịp thời vấn đề thiếu hụt nhân lực KH&CN tại các huyện lúc bấy giờ. Mô hình quản lý mới này bước đầu hoạt động theo hình thức cầm tay chỉ việc. Các cán bộ về làm việc tại các huyện do Sở KH&CN tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và chịu sự chỉ đạo chuyên môn từ Sở. Nhiệm vụ của cán CBCC này là giúp UBND các huyện

triển khai, thực thi kịp thời công tác quản lý nhà nước về KH&CN, đóng vai trò là cầu nối giữa Sở, các viện, trường, doanh nghiệp ... với huyện trong việc nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống, góp phần phát triển hàng hóa, tăng thu nhập, tạo thêm việc làm, xóa đói giảm nghèo, tích cực thay đổi diện mạo nông thôn. Hơn nữa thông qua mô hình quản lý này đã hình thành được mạng lưới cán bộ quản lý KH&CN tại các huyện/thị/thành phố trong tỉnh và nhất là nâng cao năng lực hoạt động KH&CN cấp huyện.

### **Thực hiện chính sách tài chính 50/50: tỉnh, huyện và nhân dân cùng làm khoa học công nghệ**

Trước những năm 2006, khi tỉnh Đồng Nai chưa có các chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động KH&CN tại các địa phương thì không có một đề tài/dự án cấp cơ sở nào được tổ chức triển khai. Hoạt động KH&CN cấp cơ sở trong thời gian này chủ yếu là công tác QLNN về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, thông tin KH&CN, công tác thanh kiểm tra hàng hóa lưu thông trên địa bàn, đào tạo, tập huấn chuyên môn cho cán bộ quản lý KH&CN và hoạt động nghiên cứu khoa học hoàn toàn bị bỏ quên. Từ năm 2006 đến nay, khi tỉnh Đồng Nai mạnh dạng xây dựng chính sách tài chính đối ứng 50/50 giữa tỉnh và huyện trong NCKH theo cơ chế 50% kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh, 50% kinh phí sự nghiệp khoa học của huyện/thị/thành phố tự cân đối được ban hành và đổi mới hàng hoạt cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế xin cho, mời các nhà khoa học đầu ngành, lãnh đạo của địa phương tham gia Hội đồng tư vấn KH&CN xác định danh mục đề tài/dự án cấp huyện, huy động thêm vốn đầu tư từ doanh nghiệp, nhân dân, cụ thể hóa hơn kết quả nghiên cứu và đơn vị ứng dụng, từ đó đã thu hút được nhiều đơn vị, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia thực hiện.

**Bảng 1: Số lượng đề tài/dự án cấp huyện giai đoạn 2006-2017**

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng
Số lượng đề tài/dự án	1	1	0	2	4	5	13	10	4	6	5	15	66

(Nguồn: Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai từ năm 2006-2017)

Kết quả qua 12 năm triển khai đã thu hút được 66 đề tài/dự án cấp huyện. Tính đến nay, đã có 39 đề tài/dự án đã tổ chức tổng kết nghiệm thu chiếm 59%, và 27 đề tài/dự án đang trong quá trình thực hiện chiếm 41%. Tổng kinh phí được sử

dụng thực hiện các đề tài/dự án trong giai đoạn 2010 – 2017 hơn 60 tỷ đồng, trong đó vốn do nhân dân đóng góp là hơn 19 tỷ đồng.

Mặc dù các Nghị quyết của Tỉnh uỷ Đồng Nai về KH&CN đã chỉ rõ phát triển KH&CN một cách tập trung, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật công nghệ .... xây dựng những đề tài nghiên cứu sâu về kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, dân tộc, tôn giáo nhằm xác lập những luận cứ khoa học, thực tiễn cho những quyết định, chủ trương của lãnh đạo khi chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên trên thực tế, các đề tài/dự án cấp huyện do địa phương đề xuất chủ yếu là để giải quyết các vấn đề bức xúc cần có sự tác động của KH&CN nhằm thúc đẩy sản xuất, gắn với thực tiễn và có tính khả thi cao, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào cuộc sống, giúp người nông dân tiếp cận với công nghệ mới ứng dụng vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển ngành nghề sản xuất mới, khuyến khích đổi mới công nghệ, góp phần tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo nhất là vùng dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó các địa phương rất chú trọng việc đầu tư, nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin như một công cụ thiết yếu trong quản lý hành chính và sản xuất, từng bước xây dựng môi trường làm việc hiện đại và hiệu quả, góp phần thúc đẩy KT-XH của địa phương ngày càng phát triển.

#### **Những kết quả đạt được trong thời gian qua:**

Các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học công nghệ đã có bước phát triển cả về hoạt động nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Các hoạt động nghiên cứu khoa học cấp huyện đã đóng góp ngày càng rõ nét vào việc cải cách hành chính, nâng cao năng suất, chất lượng một số cây trồng, vật nuôi và sản phẩm hàng hoá chủ lực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở địa phương, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn của mới tỉnh nhà, cụ thể:

#### *\* Lĩnh vực nghiên cứu Nông nghiệp- Nông thôn:*

Trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã triển khai nghiên cứu, ứng dụng nhiều đề tài/dự án cấp huyện phục vụ phát triển nông nghiệp. Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chế biến... các ngành, các lĩnh vực chủ yếu của địa phương, phát huy nội lực tại chỗ, trong đó tập trung ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn miền núi, tăng cường trang bị kiến thức, kỹ thuật và quản lý cho cán bộ lãnh đạo và nông dân sản xuất ở địa phương trong tiến trình phát triển kinh tế hàng hóa trong giai đoạn

hiện nay.... Nhìn chung kết quả các đề tài/dự án trong lĩnh vực nông nghiệp đã tạo ra được nhiều nhân tố mới tích cực, tạo ra được những mô hình, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ các loài động, thực vật có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế. Đó là sự chuyển mình của công nghiệp chế biến nông sản, sự phát triển của ngành dịch vụ nông nghiệp, cung cấp các sản phẩm dịch vụ sản xuất nông nghiệp tới từng hộ dân và cuối cùng là chuyển dịch mạnh về cơ cấu sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường, tăng thu nhập cho người nông dân và thực hiện phát triển bền vững.

Một số dự án tiêu biểu:

+ Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất hồ tiêu theo tiêu chuẩn Global GAP tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai”: lợi nhuận trung bình ở cây hồ tiêu trong mô hình tăng từ 28,48-47,05% so với đối chứng. Trong quá trình tham gia thực hiện dự án người nông dân sản xuất hồ tiêu đã từng bước ý thức việc tuân theo qui trình sản xuất hồ tiêu theo tiêu chuẩn GLOBALG.A.P vừa tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn đáp ứng nhu cầu của thị trường vừa góp phần bảo vệ môi trường. Bà con nông dân cũng đã được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn sử dụng hợp lý và hiệu quả phân bón, nông dược giảm tác động đối với môi trường, cải thiện dinh dưỡng đất, giúp cân hệ sinh thái trong đất nhằm đảm bảo tính bền vững, giảm xói mòn và thoái hóa đất.

+ Dự án: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhằm nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi cho đồng bào dân tộc Chơ-ro xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai”: dự án đã xây dựng được 07 mô hình gồm: mô hình trồng mới cây tiêu với 01 hộ tham gia (0,2 ha), mô hình trồng mới cà phê với 01 hộ tham gia (0,2 ha), mô hình thâm canh cà phê với 01 hộ tham gia (0,2 ha), mô hình trồng mới cây thanh long ruột đỏ với 01 hộ tham gia (0,2 ha), mô hình trồng rau với 01 hộ tham gia (0,1 ha), mô hình nuôi dê với 05 hộ tham gia (mỗi hộ 3 con), mô hình nuôi gà với 05 hộ tham gia (mỗi hộ 100 con). Từ các mô hình sản xuất được triển khai, đến nay mô hình thanh long ruột đỏ đã được nhân rộng 30 ha trên địa bàn ấp Bình Hòa; mô hình nuôi dê đã nhân rộng được 47 hộ, mô hình thâm canh cà phê, năng suất đạt 20 tạ/ha, tăng 2 tạ/ha so với năm trước khi thực hiện dự án; mô hình chăn nuôi gà, chăn nuôi dê đã sinh sản, nâng tổng đàn. Dự án đã góp phần thay đổi tập quán sản xuất thông qua những mô hình điểm, các buổi tập huấn, hội thảo, tham quan chuyển giao khoa học kỹ thuật. Cụ thể gồm 02 lớp, với 120 lượt nông dân tham dự; 02 buổi Hội thảo, với 78 lượt người tham dự và tổ chức 01 chuyến tham quan mô hình trồng thanh long ruột đỏ với 39 lượt người tham dự. Từ đó nhận thức về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi của đồng bào dân tộc Chơ-ro, xã

Xuân Phú được nâng lên, các kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi được các hộ dân tộc Choro trong vùng nắm khá vững vàng, bước đầu có biểu hiện mạnh dạn đầu tư hơn trong việc đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.



**Các mô hình thuộc dự án “Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhằm nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi cho đồng bào dân tộc Chơ-ro xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai” đã và đang tiếp tục nhân rộng**

*\* Lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng Công nghệ thông tin:*

Trong việc nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin: Nhiều đề tài, giải pháp được nghiên cứu ứng dụng và xây dựng thành mô hình để quảng bá nhân rộng trong sản xuất và đời sống, đưa công nghệ thông tin về vùng sâu vùng xa, từng bước xây dựng môi trường và qui trình làm việc của nền hành chính điện tử. Việc triển khai các đề tài/dự án thuộc lĩnh vực này đã mang lại hiệu quả vô cùng thiết thực, xây dựng được các mô hình văn phòng điện tử di động, các phần mềm quản lý như quản lý nhân sự, đất đai, nhà ở, hạ tầng đô thị ... phục vụ mục tiêu cải cách hành chính của từng ngành, lĩnh vực. Nâng cao chất lượng, tỷ lệ giao dịch, trao đổi thông tin qua mạng, từng bước chia sẻ các thông tin hành chính thiết yếu giữa các cơ quan nhà nước nhằm đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc. Hơn thế nữa việc đưa CNTT đến tận các xã vùng sâu vùng xa có ý nghĩa kinh tế-chính trị-xã hội to lớn, đảm bảo quyền được tiếp cận các thành tựu về khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao dân trí người dân trên địa bàn huyện.

Một số dự án tiêu biểu:



+ Dự án: “Xây dựng hệ thống quản lý và điều hành hoạt động của khối trường THCS trên địa bàn huyện Long Thành”: dự án đã tạo được phần mềm chung cho 08 trường THCS trên địa bàn huyện. Phần mềm E-school đáp ứng được các yêu cầu của ngành giáo dục. Cơ chế hoạt động phần mềm thông qua môi trường Internet giúp cho nhà trường và giáo viên có thể sử dụng mà không cần phụ thuộc không gian và thời gian. Đặc biệt, phần mềm cung cấp Sổ liên lạc điện tử để cho các bậc phụ huynh tra cứu trực tiếp trên phần mềm hay phần nhắn tin tra cứu điểm số giúp cho các bậc phụ huynh theo sát được tình hình học tập của con em.

+ Dự án “Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành của UBND huyện Xuân Lộc”: dự án đã trang bị cho UBND huyện trang thống tin điện tử và hệ thống văn phòng điện tử. Hiện nay, hệ thống đã đi vào ổn định, đã thành lập được ban điều hành trang thông tin điện tử, kiểm soát chặt chẽ từ khâu viết tin đến lúc đăng tải, các nội dung bài viết đều được kiểm duyệt. Việc xây dựng trang thông tin điện tử đã góp phần quảng bá hình ảnh, kinh tế - chính trị, văn hóa- xã hội của địa phương, kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Việc sử dụng hệ thống văn phòng điện tử đã tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp trong mỗi CBCCC, giảm bớt chi phí văn phòng phẩm, thời gian đi lại hội họp, thông tin nhanh chóng, chủ động trong công tác điều hành, linh hoạt phối hợp giữa các phòng ban, thời gian giải quyết công việc được rút ngắn đáng kể, hiệu quả công việc ngày càng nâng cao.



**Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính ngày càng được nâng cao tại UBND các huyện, xã trên địa bàn tỉnh.**

### **Những tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được đó, hoạt động NCKH cấp huyện vẫn gặp nhiều tồn tại và hạn chế, cụ thể là:

+ Do nhận thức của cấp lãnh đạo trong việc phê duyệt chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN. Các ngành, các cấp của địa phương chưa thật sự chú trọng việc phát triển KH&CN, chưa xem KH&CN là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững của địa phương.

+ Nguồn kinh phí chi cho hoạt động KH&CN được phân bổ hàng năm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, tuy nhiên chưa đảm bảo được 2% tổng chi ngân sách huyện (Luật KH&CN năm 2013)

+ Địa phương không đề xuất được các nhiệm vụ nghiên cứu, chỉ chú trọng việc xây dựng hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hoàn toàn bị lãng quên.

+ Nguồn lực nghiên cứu tại địa phương còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng ít nhiều trong việc xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng KH&CN với chương trình phát triển KT-XH địa phương để nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực của Nhà nước và huy động tối đa nguồn lực của xã hội bởi lẽ việc xã hội hóa trong hoạt động KH&CN hiện nay còn rất khó khăn.

+ Thiếu đơn vị tư vấn trong hoạt động nghiên cứu khoa học, dẫn đến các địa phương không đề xuất được các nhiệm vụ nghiên cứu.

+ Cơ chế quản lý là quá khó, thủ tục hành chính thì quá phức tạp trong khi chưa có văn bản nào quy định cụ thể cơ chế quản lý, thủ tục thanh quyết toán đối với đề tài/dự án cấp cơ sở. Do đó việc tuyển chọn phê duyệt đề tài/dự án nào? cơ chế quản lý như thế nào? nguồn kinh phí thực hiện, hình thức thanh quyết toán ra sao? đối với các nhà quản lý tại cơ sở vô cùng khó khăn.

### **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới**

Để nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cần tập trung vào một số giải pháp sau đây:

**Thứ nhất**, tiếp tục nâng cao sự nhận thức của các cấp lãnh đạo đối với việc phát triển KH&CN, đặc biệt là hoạt động NCKH cấp cơ sở: phải luôn xác định KH&CN đóng vai trò then chốt, đáp ứng kịp thời các nhu cầu bức xúc của thực tiễn sản xuất, đời sống và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh. Do đó các cấp cần phải chủ động xây

dựng kế hoạch phát triển KH&CN phù hợp với mục tiêu của tỉnh, của từng địa phương, phải đầu tư có trọng điểm trọng tâm, nhất là phân bổ nguồn vốn hoạt động hợp lý và kịp thời, góp phần thực hiện sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, nhất là sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn tại cơ sở.

**Thứ hai**, tiếp tục thực hiện chính sách tài chính đối ứng 50/50 giữa tỉnh và huyện trong nghiên cứu khoa học theo cơ chế 50% kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh, 50% kinh phí sự nghiệp khoa học của huyện/thị/thành phố tự cân đối. Qua 11 năm triển khai, chúng ta không thể nào phủ nhận được vai trò to lớn của chính sách này, nó đã mở đường cho hoạt động NCKH cấp cơ sở phát triển khi mà nguồn kinh phí của địa phương rất là hạn hẹp, đã góp phần đa dạng hóa các nguồn vốn, hỗ trợ cho địa phương có thêm kinh phí để hoạt động, thu hút được nhiều đề tài/dự án mang tính khả thi cao triển khai trên địa bàn các huyện/thị/thành phố, làm cho các cơ quan QLNN, các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực KH&CN trong và ngoài tỉnh xích lại gần nhau hơn thông qua việc đặt hàng, hợp tác triển khai các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học. Đặc biệt đã xây dựng được mối liên kết và phối hợp giữa chương trình nghiên cứu, ứng dụng KH&CN với chương trình phát triển KT-XH của địa phương để nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực của Nhà nước và huy động tối đa nguồn lực của xã hội, góp phần phát triển hàng hóa, tăng thu nhập, tạo thêm việc làm thực hiện mục tiêu tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo. Hơn nữa thông qua việc hỗ trợ tài chính này đã hình thành được mạng lưới cán bộ quản lý KH&CN tại các địa phương và nhất là nâng cao năng lực hoạt động KH&CN cấp huyện.

**Thứ ba**, tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính cho hoạt động NCKH cấp cơ sở nhưng cần phải đổi mới về cơ chế quản lý: do đề tài/dự án được hỗ trợ từ 02 nguồn vốn của tỉnh và huyện theo đó mà cơ chế quản lý các đề tài/dự án cũng phức tạp rườm rà. Bên cạnh đó cần có cơ chế thoái cho các nhà nghiên cứu, nhất là trong cơ chế tài chính, để họ tập trung vào công việc nghiên cứu của mình, điều mà theo Bộ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Quân khiến cho "thời gian các nhà khoa học tìm chứng từ, hóa đơn để hợp thức hóa còn dài hơn thời gian bỏ công sức nghiên cứu". Điều này cũng ảnh hưởng ít nhiều đến tâm lý của các nhà nghiên cứu. Hơn thế nữa cần cũng cần làm rõ việc hỗ trợ chính sách này khi hoạt động NCKH cấp cơ sở còn yếu kém. Khi đã tạo được đà phát triển cần có sự thay đổi chính sách phù hợp hơn. Tránh tạo ra sự ỷ lại và phụ thuộc vào nguồn vốn hỗ trợ từ phía tỉnh ở các nhà quản lý tại địa phương. Nếu huy động được nguồn kinh phí hỗ trợ thì đề tài/dự án đó được triển khai, ngược lại đề tài/dự án đó bị "đắp chiếu". Từ đó các địa phương mất dần tính chủ động và tiên phong trong việc nghiên cứu và phát triển KH&CN trong giai đoạn hiện nay.

**Thứ tư**, phát triển đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực: các đề tài/dự án cấp cơ sở được triển khai dựa trên nhu cầu bức xúc của các địa phương mà hầu hết các địa phương chỉ chú trọng việc nghiên cứu và ứng dụng KH&CN như thế nào để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế mà quên đi nhu cầu về mặt xã hội dẫn đến sự phát triển không đồng đều xét trên mặt toàn diện của một địa phương. Điều này về lâu dài sẽ để lại một hệ lụy mà các nhà quản lý sẽ phải đối mặt đó là sự mất cân bằng trong chiến lược phát triển KT-XH của đất nước nói chung và của Đồng Nai nói riêng.

**Th.S. Đoàn Lâm Thanh Tâm**